TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu

2. Bà Hoàng Thị Len

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị **Ngụy Thị H** sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động ở Đài Loan.

Giấy chứng minh nhân dân số 121968XXX do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 07/10/2007.

Hộ chiếu số N2264XXX do Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc cấp ngày 24/03/2021.

Bị đơn: Anh **Bùi Ngọc Q** sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Căn cước công dân số 034090012XXX do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/12/2021.

(Chị H, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai và các tài liệu kèm theo do Nguyên đơn là chị Ngụy Thị H gửi từ Đài Loan đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình**

(có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), chị H trình bày:

Chị và anh Bùi Ngọc Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 29/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh Q tại thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống được nửa năm chị phát hiện ra anh Q chơi bời, rượu chè, hay tụ tập bạn bè và có nợ một khoản tiền, chị đã phải vay mượn trả nợ cho anh và cũng đã khuyên nhủ nhưng anh Q không thay đổi. Ngày 29/10/2013, chị sinh con Bùi Ngọc Khánh D tại tỉnh Thái Bình. Thời gian sinh đẻ chị được bố mẹ đẻ đưa về Bắc Giang chăm sóc. Khi con được 04 tháng tuổi, chị đưa con về chung sống với anh Q, nhưng nhiều lần chị bị anh Q đánh chửi nên chị đã đưa con về hẳn nhà bố mẹ đẻ sinh sống và làm việc. Đến khi con D được 03 tuổi, chị đã nhờ bố mẹ đẻ chị chăm sóc con để chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2016 cho đến nay. Tháng 11/2018, anh Q đã đưa con về tỉnh Thái Bình ở. Từ năm 2016, chị và anh Q đã sống ly thân với nhau, thời gian chị lao động tại Đài Loan, chị và anh Q chỉ thỉnh thoảng gọi điện nói chuyện với nhau, nhưng cũng chỉ là những lời nói không hay và chửi bới. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Chị và anh Q có 01 con chung là Bùi Ngọc Khánh D sinh ngày 29/10/2013, hiện nay anh Q đang nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh Q nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Chị và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do chị đang lao động ở Đài Loan, chị không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, chị H đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

*** Bị đơn – anh Bùi Ngọc Q trình bày:**

Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Ngụy Thị H, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị H vì vợ chồng không còn tình cảm, chị H không còn quan tâm đến anh và gia đình anh nữa, anh cho rằng chị H không đủ tư cách làm vợ, làm mẹ.

+ Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Bùi Ngọc Khánh D, sinh ngày 29/10/2013, hiện nay con D đang ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao con D cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con D là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con D đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết nhanh chóng, ngắn gọn vì anh còn bận làm ăn để nuôi con, không thể xin nghỉ để đến Tòa án tham gia tố tụng được. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt anh trong

tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa đối với vụ án này. Anh cũng đề nghị Tòa án không lấy lời khai của con D vì con bị mắc bệnh tăng động, anh không muốn làm tổn thương đến cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị H và anh Q đều đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngụy Thị H và anh Bùi Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình ngày 29/11/2012 – đây là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị H và anh Q đều thể hiện từ nhiều năm nay giữa anh Q và chị H không còn tình nghĩa vợ chồng do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh Q ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là Bùi Ngọc Khánh D, sinh ngày 29/10/2013, hiện nay đang do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị H và anh Q thống nhất giao cháu D cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 và khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị H, anh Q có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H, anh Q đều trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngụy Thị H được ly hôn anh Bùi Ngọc Q.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị H và anh Q, giao con Bùi Ngọc Khánh D sinh ngày 29/10/2013 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; hàng tháng chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con D mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị H, anh Q có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngụy Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai số 0005659 ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị H còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh